TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST Ngày 09 tháng 9 năm 2019 Về việc ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phượng

Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Ông Vũ Xuân Miện.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 504/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 8/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá C, sinh năm: 1958. (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1956. (có mặt)

Địa chỉ: Số 102/4 đường H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Bá C trình bày:

Năm 1984, ông C và bà T có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An. Đến năm 2014, ông C và bà T đăng ký kết hôn lại tại UBND Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 08/3/2014. Ông C và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Từ khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2010 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ những mâu thuẫn trong cuộc sống hàng

ngày, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau. Ông C và bà T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tháng 10/2015 ông C về quê tại Nghệ An sống, còn bà T sống tại thành phố Vũng Tàu, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do sống xa cách tình cảm vợ chồng phai nhạt nên từ khi sống ly thân đến nay cả hai không ai quan tâm, hỏi han, chia sẻ, chăm lo cho nhau. Ông C không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn với bà T. (Bl 08 tập 1, Bl 19 tập 2, Bl 25 tập 4)

Về con chung: Ông C và bà T có 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1984, Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1989 và Nguyễn Thị Việt T, sinh năm: 1992, cả 03 con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung thì bà T đồng ý với trình bày của ông C là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là do ông C có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Việc ông C có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác thì ông C đều đã thừa nhận với bà T được thể hiện tại: "Bản tường trình" ngày 09/01/2005, thư "Em và con yêu quý" đề ngày 04/6/2005, giấy đề "ngày 27/3/2014"; "Bản tường trình về mối quan hệ bất chính" ngày 26/12/2013; giấy đề "ngày 26/3/2014" và giấy " Bà T và các con ngày 27/3/2014". Tất cả các giấy nêu trên đều do ông C viết, ký tên, với nội dụng ông C có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác là: Từ trước năm 2005 ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên là KA quê ở Long An; Năm 2011 – 2012 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên là H quê ở Nghệ An; Năm 2013-2014 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên là Ph quê ở Hải Phòng sinh sống tại thành phố Vũng Tàu. Sau khi biết được việc ông C có quan hệ tình cảm bất chính với những người phụ nữ khác nhưng vì con, vì mái ấm gia đình nên bà T đã bỏ qua cho ông C.

Từ tháng 10/2015 đến nay vợ chồng sống xa nhau, lý do ban đầu là do ông C về quê tại Nghệ An để chăm bố mẹ chồng già yếu, nhưng khi ông C về quê thì ở luôn ngoài quê từ đó đến nay ông C không quay trở lại chung sống nữa. Từ khi ông C về quê đến nay thì cả bà T và ông C đều không ai quan tâm, hỏi han, chia sẻ, chăm lo cho nhau. Tại phiên tòa bà T trình bày Bà không còn tình cảm với ông C nên bà T đồng ý ly hôn với ông C. (Bl 20 tập 2, Bl 25, 33 tập 4, từ Bl 35 đến Bl 55 tập 5 và biên bản phiên tòa)

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng về cơ bản đúng, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì giữa ông C và bà T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay, trong thời gian này cả hai không ai quan tâm, chăm lo cho nhau và ông C không còn tình cảm với bà

T. Tại phiên tòa bà T trình bày không còn tình cảm với ông C và đồng ý ly hôn với ông C. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông C và bà T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Bá C khởi kiện về "Ly hôn" với bị đơn bà Nguyễn Thị T, có địa chỉ cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà T có đăng ký kết hôn và được UBND Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 08/3/2014, kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét về mâu thuẫn vợ chồng mà ông C trình bày là do bà T không tôn trọng ông C cụ thể ông C là người đàn ông trong gia đình, có công việc và thu nhập ổn định để chăm lo cho cuộc sống gia đình nhưng bà T luôn cho rằng bà T mới là người lo toàn bộ kinh tế, các con ăn học trong gia đình còn ông C không lo được gì thì thấy rằng đây là mâu thuẫn không lớn trong cuộc sống gia đình. Về mâu thuẫn ông C trình bày là do bà T không tin tưởng ông C luôn nghi ngờ ông C có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác thì cả bà T trình bày trong khoảng thời gian từ trước năm 2005 đến năm 2014 ông C có quan hệ tình cảm bất chính với ba người phụ nữ tên là KA, H, Ph và bà T đã cung cấp tài liệu chứng minh việc ông C có quan hệ tình cảm bất chính với những người phụ nữ này được thể hiện tại "Bản tường trình" ngày 09/01/2005, thư "Em và con yêu quý" đề ngày 04/6/2005, giấy đề "ngày 27/3/2014"; "Bản tường trình về mối quan hệ bất chính" ngày 26/12/2013; giấy đề "ngày 26/3/2014" và giấy " Bà T và các con ngày 27/3/2014", tất cả các tài liệu này ông C thừa nhận do ông C viết. Như vậy, việc ông C cho rằng bà T nghi ngờ ông C có quan hệ tình cảm với những người phụ khác là không đúng, vì ông C có quan hệ tình cảm với những người phụ khác là có thật. Tuy nhiên, việc ông C có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác xảy ra đã lâu nên vợ chồng có thời gian để hàn gắn gia đình, nhưng từ tháng 10/2015 ông C về tỉnh Nghệ An sống, còn bà T vẫn sống tại thành phố Vũng Tàu nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ những phân tích nêu trên thấy rằng giữa ông C và bà T xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân đã lâu nên mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa bà T trình bày bà T không còn tình cảm với ông C và bà T đồng ý ly hôn với ông C. Xét thấy cả ông C và bà T không còn tình cảm với nhau, cả hai đều tự nguyện ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông C và bà T.

[3] Về con chung: Các con chung của ông C và bà T đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông C sinh năm 1958, tại thời điểm xét xử ông C 61 tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông C không làm đơn yêu cầu xin miễn tiền án phí nên không xem xét miễn án phí cho ông C. Vì vậy ông C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị T ly hôn.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá C phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007040 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông C đã nộp đủ.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố V;
- Chi Cục THA DS thành phố V;
- UBND Phường B, thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phượng